

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Giới thiệu

Tên trường: Trường Đại học Kinh Bắc

Tên tiếng Anh: University of Kinhbac

Ký hiệu: UKB

Trụ sở chính: Xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Cơ sở đào tạo: Phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Trang thông tin điện tử: www.ukb.edu.vn

Điện thoại: 0222.3.872.892/ 0868.666.357

Sứ mệnh: Đào tạo nhân lực trình độ, chất lượng cao, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, trở thành trường Đại học ứng dụng, được xếp hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.

Giá trị cốt lõi (Giá trị văn hóa): “Đổi mới, sáng tạo, phát triển bền vững, hướng tới Chân - Thiện - Mỹ”

Triết lý giáo dục: “Giáo dục toàn diện – Chấp cánh tương lai”

Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên cao học	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I								
Khối ngành II								
Khối ngành III		75	506					
Khối ngành IV								
Khối ngành V			373					
Khối ngành VI								
Khối ngành VII			602					
Tổng		75	1481					

2. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

3.1 Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Sử dụng kết quả kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) để xét tuyển 40% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Căn cứ vào kết quả học tập ở Lớp 12 bậc THPT để xét tuyển 60% chỉ tiêu tuyển sinh.

3.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy kết quả từ Kỳ thi THPT quốc gia)

Mã khối ngành	Mã ngành học	Ngành học	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
III	7340101	Quản trị kinh doanh	100	100	15	110	88	15
III	7340201	Tài chính – Ngân hàng	50	0	15	50	0	15
III	7340301	Kế toán	200	110	15	220	29	15
III	7380107	Luật kinh tế	50	23	15	30	0	15
V	7480201	Công nghệ thông tin	200	120	15	200	77	15
V	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	100	20	15	100	0	15
V	7580101	Kiến trúc	30	0	15	30	0	15
V	7580302	Quản lý xây dựng	30	0	15	30	0	15
VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	150	150	15	165	82	15
VII	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	35	15	110	19	15
VII	7310205	Quản lý nhà nước	50	20	15	50	0	15

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghiên cứu:

1.1 Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, PGS, giảng viên cơ hữu		7875
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2100
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	5	1250
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	5	750
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	25	2125
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	3	450

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	1200
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	4	1300
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	1570
	Tổng		10745

1.2 Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên phòng	Danh mục thiết bị chính
1	Phòng thực hành Bar	Tủ lạnh
		Bàn ghế
		ghế
		Tủ để đồ
		Tủ quầy bar
		Tủ rượu
		Máy chiếu
		Hệ thống chậu rửa
		Ấm siêu tốc
		Máy xay
		Máy ép
		Vắt cam
		Thìa bar
		Thìa soup
		Bình lắc
		Chày dầm
		Zigger
		Kẹp chanh
		Thớt
		Dao
		lọc vắt vỏ chanh
		Các loại rượu
		Ly- cốc
Lược đá		
Bình đựng đá		
Gắp đá		
Lọ hoa		

2	Phòng thực hành nhà hàng	Tủ lạnh
		Bàn
		ghế
		Tủ để đồ
		Tủ bát
		Máy chiếu
		Hệ thống chậu rửa
		Khăn trải bàn
		Khăn ăn
		Bát ăn
		Đĩa
		Ly- cốc - chén
		thìa-nĩa-dao
		Bình rượu các loại
		Các loại rượu
		Đũa
		Rỏ đựng bánh mì, hoa quả
		Bìa Menu
		Dụng cụ bảo quản sâm panh
		dụng cụ khai rượu
		Bình đựng đá
		Gắp đá
		Hộp đựng giấy ăn
		Nồi hâm Buffet
		Khay trưng bày thức ăn Buffet
		Đèn hâm nóng thức ăn tại chỗ
		Bếp hâm nóng bình cà phê
		Bình đựng nước ép trái cây
		Bình đựng hạt ngũ cốc
		Bếp điện từ
		Giá để tạp chí
		Lọ hoa
Đồng hồ treo tường		

3	Phòng thực hành buồng	Giường
		Điều hòa
		Quạt điện
		Cây trang trí
		Tủ đựng đồ
		Bàn ghế
		Tủ gương
		Chăn - ga - gối
		Máy hút bụi
		Lọ hoa
		Hộp đựng giấy ăn
		Bàn là
		Bìa kẹp giấy ghi chú
		Bìa Menu
		Hệ thống chậu rửa
		Nhà vệ sinh
		Khăn tắm
		Các đồ dùng hằng ngày (xà phòng, kem đánh răng, bàn chải...)
		Bình nước
		Bình siêu tốc
		Cốc - chén
		Móc quần áo
		Thảm lau các loại
Điện thoại		
Thiết bị làm vệ sinh		
Tivi		
Đồng hồ treo tường		
Giá để tạp chí		
4	Phòng thực hành lễ tân Phòng nghiệp vụ du lịch	Đồng hồ treo tường
		Tivi
		Máy tính
		Tủ để đồ
		Giá để tạp chí
		Bàn ghế
		Quầy lễ tân
		Bản đồ
		Lọ hoa
		Hệ thống âm thanh
		Bảng thông tin
		Điện thoại
		Hộp đựng giấy ăn

5	Phòng thực hành máy tính B602	CPU cấu hình Main: Intel(R) Pentium(R) CPU G4560@3.50GHz, RAM 4GB, HDD 465GB Toshiba:25 bộ, Bàn phím chuột Logitech: 31 bộ
		CPU cấu hình Main: Intel(R) Cote(TM) i3-7350k CPU@4.20GHz, RAM 8GB, HDD 120GB Toshiba: 5 bộ
		Màn hình WiewSonic VA2419-SH: 30 màn hình
		Màn hình SamSung LC14F390FHEXXV: 2 màn hình
		Swith: Cisco 24 port: 1 chiếc, TL-SP10106D 16 port:1 chiếc, TP-SF1008D 8port: 1 chiếc, TL-Wr840N: 1 chiếc
		Bàn ghế
		Máy chiếu: EPSON, màn chiếu 1 bộ
		Máy hút âm
		Loa mic 1 bộ
6	Phòng thực hành máy tính B702	CPU cấu hình Main: Intel(R) Cote(TM) i3-7350k CPU@4.20GHz, RAM 8GB, HDD 120GB Toshiba, Bàn phím chuột SunSony: 31 bộ
		Màn hình SamSung LC14F390FHEXXV: 31 màn hình
		Swith: TP-SF1008D 8port: 4 chiếc
		Bàn ghế
		Máy chiếu: INFOCUS, màn chiếu 1 bộ
		Máy hút âm
7	Phòng thực hành máy tính – Kế toán máy B703	CPU cấu hình Main: Pentium(R) Dual-Core CPU E5800 @3.20GHz, RAM 2GB, HDD 235GB Seagate, Bàn phím chuột FPT: 30 bộ
		Màn hình FPT: 31 màn hình
		Bàn ghế
		Máy chiếu: Optoma, màn chiếu 1 bộ
		Máy hút âm
		Phần mềm kế toán, phần mềm thuế
8	Phòng thực hành điện tử A705	Máy chiếu
		Đồng hồ đa năng
		Máy tính
		Máy hiện sóng
		Máy phát xung
		Board vạn năng (nguồn)
		Board cảm số, hàn
		Mỏ hàn xung
		Kìm, tô vít, kéo, panh
		Linh kiện điện tử (Transistor, IC số, tụ điện, điện trở,...)
		Mô đun dàn trải của ti vi dung thực tập sửa chữa

1.3 Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...
sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Stt	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành/ Nhóm ngành 1	
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	3856
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	1739
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	3255

1.4 Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

(Phụ lục Danh sách giảng viên)

1.5 Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

(Phụ lục Danh sách giảng viên)

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1.2 Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước

1.3 Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh vào đại học chính quy năm 2021: Xét tuyển theo 2 phương thức

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2021 để xét tuyển 35% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập học bạ THPT để xét tuyển 65% chỉ tiêu tuyển sinh.

+ Xét điểm TBC của 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)

+ Xét điểm TBC năm lớp 12

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Kế toán	7340301	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2012	2020
2	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2012	2020
3	Quản trị kinh doanh	7340101	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2012	2020
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2012	2020
5	Công nghệ thông tin	7480201	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2012	2020
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2015	2020
7	Thiết kế đồ họa	7210403	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2013	2020
8	Thiết kế nội thất	7580108	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2013	2020
9	Thiết kế thời trang	7210404	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2013	2020
10	Luật kinh tế	7380107	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2020
11	Quản lý nhà nước	7310205	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2020
12	Quản lý xây dựng	7580302	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2020
13	Kiến trúc	7580101	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2015	2020
14	Ngôn ngữ Anh	7220201	Số 423/QĐ-BGDĐT	09/02/2018	Bộ GD&ĐT	2018	2020
15	Quản lý kinh tế	8340410	Số 1167/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GD&ĐT	2017	2020

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
Khối ngành 3													
1.	Đại học	7340301	Kế toán	77	143	A00		D01		A01		C04	
2	Đại học	7340201	Tài chính ngân hàng	-	-	A00		D01		A01		C04	
3	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	42	78	A00		D01		A01		C04	
4	Đại học	7380107	Luật kinh tế	17	33	A00		A01		D01		C00	
Khối ngành 5													
5	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	63	117	A00		D01		A01		C04	
6	Đại học	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	-	-	A00		D01		A01		C04	
7	Đại học	7580302	Quản lý xây dựng	10	20	A00		A01		D01		C04	

8	Đại học	7580101	Kiến trúc	-	-	V00		V01		V02		V03	
Khối ngành 7													
9	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	63	117	A00		A01		D01		C00	
10	Đại học	7310205	Quản lý Nhà nước	-	-	A00		A01		D01		C00	
11	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	38	72	D01		A01		D14		D10	

- Chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển và giữa các ngành sẽ được điều chuyển trong tổng chỉ tiêu đã đăng ký đảm bảo năng lực đào tạo của từng ngành
- Các ngành không đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đợt 1 năm 2021: Tài chính ngân hàng, Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Kiến trúc, Quản lý Nhà nước, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang.

1.5 **Ngưỡng đảm bảo đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển**

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng

a) Phương thức 1: Theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT: Tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển từ 15 điểm trở lên.

b) Phương thức 2: Theo phương thức xét kết quả học bạ THPT

+ Điểm trung bình chung (TBC) của 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 6.0 trở lên hoặc tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển từ 18 điểm trở lên.

+ Điểm TBC lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên hoặc tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển từ 18 điểm trở lên.

1.6 **Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường**

Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn
1. Kế toán	7340301	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
2. Tài chính - Ngân hàng	7340201	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
3. Quản trị kinh doanh	7340101	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý.	A00 D01 A01 C04
4. Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành.	7810103	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Địa lý.	A00 A01 D01 C00
5. Ngôn ngữ Anh	7220201	1- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh. 3- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 4- Toán, Địa lý, Tiếng Anh.	D01 A01 D14 D10
6. Luật Kinh tế	7380107	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	A00 A01 D01 C00

7. Quản lý Nhà nước	7310205	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	A00 A01 D01 C00
8. Công nghệ thông tin	7480201	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
9. Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	7510302	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
10. Quản lý xây dựng	7580302	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
11. Kiến trúc	7580101	1- Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ thuật. 2- Toán, Ngữ văn, Vẽ Mĩ thuật. 3- Toán, Tiếng Anh, Vẽ Mĩ thuật 4- Toán, Hóa, Vẽ Mĩ thuật.	V00 V01 V02 V03
12. Thiết kế đồ họa	7210403	1- Ngữ văn và các môn Hình họa	
13. Thiết kế thời trang	7210404	1- Ngữ văn và các môn Hình họa	
14. Thiết kế nội thất	7580108	1- Ngữ văn và các môn Hình họa	

*** Các ngành năng khiếu**

Riêng đối với các môn năng khiếu thí sinh có thể sử dụng điểm năng khiếu của các trường Đại học khác hoặc tham gia sơ tuyển của trường Đại học Kinh Bắc.

Yêu cầu bài sơ tuyển môn vẽ:

+ Về nội dung: Vẽ 1 đến 2 đồ vật có hình khối như bình hoa, cốc, chén, ... hoặc chân dung (tượng hoặc người)

+ Về hình thức: Vẽ chì đen trên giấy A4 có bố cục rõ ràng và gợi ý sáng tối bằng bút chì đen

+ Hình thức sơ tuyển: Thí sinh gửi sản phẩm về trường theo đường bưu điện theo địa chỉ: Trường Đại học Kinh Bắc, phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh.

1.7 **Tổ chức tuyển sinh**

1.7.1 **Hồ sơ xét tuyển**

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Thí sinh điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển và nộp cho Nhà trường cùng với phí xét tuyển bằng các phương thức: trực tiếp tại trường, online hoặc chuyển qua Bưu điện.

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- Đơn xin xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Kinh Bắc
- Học bạ Gốc của 3 năm học THPT .

1.7.2 **Thời gian nhận hồ sơ:**

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả thi THPT:

Theo lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT

* Với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước: tuyển sinh liên tục theo các đợt trong năm.

* Với thí sinh tốt nghiệp năm 2021

- Thời gian ĐKXT dự kiến bắt đầu từ ngày 20/7/2021 đến 5/8/2021

- Địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển:

Trường Đại học Kinh Bắc, phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

-Phương thức:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh – Đại học Kinh Bắc

+ Đăng ký trên website ukb.edu.vn hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Hội đồng tuyển sinh -Trường Đại học Kinh Bắc, phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- Kết quả thí sinh trúng tuyển thường xuyên cập nhật trên Website của Trường.

1.7.3 **Quy trình xét tuyển.**

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban phục vụ xét tuyển, Ban Thanh tra.

- Bước 2: Tổng hợp hồ sơ của thí sinh đăng ký.

- Bước 3: Nhập dữ liệu, thống kê các điều kiện xét tuyển.

- Bước 4: Họp Hội đồng tuyển sinh.

+ Xét theo nguyện vọng của thí sinh đã đủ các điều kiện của Nhà trường.

- + Ưu tiên thí sinh chọn ngành 1 hay đăng ký chọn ngành 2 (Xếp thứ tự từ trên xuống theo chỉ tiêu được xác định nếu còn chỉ tiêu)
- + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).
- Bước 5: Tổng hợp và công bố kết quả xét tuyển.
- Bước 6: Thông báo kết quả xét tuyển và gửi Giấy báo nhập học, cụ thể:
- + Cập nhật dữ liệu ĐKXT lên hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia theo quy định của Bộ GD & ĐT tới khi kết thúc mỗi đợt xét tuyển.
- + Công bố trên trang thông tin điện tử, Website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng, điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển, báo cáo về Bộ GDĐT.
- + Gửi giấy báo nhập học cho những thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ của thí sinh đã cung cấp.

1.8 Chính sách ưu tiên

- Thí sinh là các học sinh khuyết tật đã tốt nghiệp THPT.
- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh Đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển và được nhận chính sách ưu tiên của Nhà trường.

1.9 Lệ phí xét tuyển

- Với xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021: 30.000đ
- Với xét tuyển kết quả theo học bạ: Miễn lệ phí xét tuyển.

1.10 Học phí

Học phí 484.000đ/1 tín chỉ (tương đương 1.452.000đ/sinh viên/ 1 tháng)

Lộ trình tăng học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015.

1.11 Thời gian dự kiến các đợt nhập học bổ sung trong năm nếu còn chỉ tiêu

Đợt 1: Từ ngày 15/8/2020 tới ngày 30/8/2021

Đợt 2: Từ ngày 15/19/2020 tới ngày 30/09/2021

Đợt 3: Từ ngày 15/10/2021 cho các đợt tiếp theo tới hết ngày 30/12/2021.

1.12 Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

Từ năm học 2020-2021 Trường Đại học Kinh Bắc đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai đào tạo ưu tiên trong lĩnh vực Du lịch và Công nghệ thông tin, đây cũng là 2 ngành thế mạnh của Nhà trường.

Đại học Kinh Bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển 2 ngành du lịch và công nghệ thông tin. Chủ đầu tư trường Đại học Kinh Bắc là tập đoàn kinh tế Chân Thiện Mỹ (gồm 8 công ty thành viên và 1 trường Đại học), tập đoàn có thế mạnh trong hoạt động du lịch

quốc tế, mỗi ngày đón hàng ngàn lượt khách thăm quan, đây chính là nơi sinh viên Nhà trường thực tập và được tuyển dụng việc làm. Hơn nữa, Bắc Ninh là địa phương có tốc độ phát triển công nghiệp nhanh nhất cả nước, nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đã đầu tư những dự án lớn tại đây như Samsung, Canon, Foxconn, ... tạo điều kiện cho sinh viên có việc làm thêm khi đi học và nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Trong thời gian vừa qua, Nhà trường đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp du lịch, công nghệ thông tin xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế, đồng thời giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn.

Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp, trong lĩnh vực du lịch là: Hệ thống khách sạn Mường Thanh, tập đoàn Du thuyền Universal Cruise Ship Management, Belvedere Resort Tam Đảo, khách sạn Crown Plaza West Hanoi, Công ty Cổ phần Du thuyền Pelican, ...; trong lĩnh vực công nghệ thông tin là: Tập đoàn VNPT chi nhánh Bắc Ninh, tập đoàn FPT, tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, ..Hàng năm Trường Đại học Kinh Bắc tổ chức hàng trăm sinh viên thực tập, trải nghiệm thực tế hưởng lương tại các đơn vị, doanh nghiệp kể trên. Do được tích lũy kinh nghiệm, thực tập làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, sát với chuyên môn nên 95% sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch lữ hành và ngành công nghệ thông tin có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp

Ngoài việc đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, trường Đại học Kinh Bắc chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên ngành du lịch và công nghệ thông tin, Nhà trường cộng tác với nhiều giảng viên là giám đốc doanh nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, công nghệ thông tin, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn hoạt động đào tạo với thực tế, đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội.

Đồng thời Nhà trường đầu tư hệ thống máy tính, các phòng thực hành hiện đại, đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động đào tạo.

1.13 Tình hình việc làm thống kê cho 2 khóa gần nhất

1.13.1 Tốt nghiệp năm 2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	30	0	20	0	80	0
Khối ngành III	0	0	320	0	280	0	98.2	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	250	0	217	0	96.3	0
Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	0	0	135	0	128	0	93.75	0

1.13.2 Tốt nghiệp năm 2020

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	127	0	77	0	84.4	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	86	0	40	0	90	0
Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	0	0	130	0	74	0	81.1	0

1.14 **Tài chính**

Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của trường: 21.242.000.000 đồng

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm 2020: 12.9 triệu/sinh viên

1.15 **Các thông tin khác**

1.15.1 **Học bổng**

- Hàng năm Nhà trường có học bổng cho sinh viên có thành tích học tập tốt và có nhiều đóng góp cho hoạt động của Nhà trường
- Nhà trường tặng học bổng 50% học phí toàn khóa cho sinh viên là người khuyết tật, miễn phí ký túc giả, giảm 50% chi phí giáo trình trong toàn khóa học.
- Nhà trường tặng học bổng 30.000.000đ cho sinh viên là thủ khoa đầu vào
- Nhà trường tặng học bổng 20.000.000đ cho sinh viên là á khoa đầu vào
- Sinh viên dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn được nhà trường miễn phí ký túc xá trong kỳ học đầu tiên.

1.15.2 **Ký túc xá**

Trường Đại học Kinh Bắc có ký túc xá là tòa nhà 7 tầng, với 1500 chỗ ở cho sinh viên. Ký túc xá được trang bị thang máy, wifi, có sân thể thao, siêu thị và các tiện ích khác phục vụ nhu cầu ăn ở, học tập của sinh viên.

Nhà trường hỗ trợ sinh viên với giá ký túc là 130.000đ/sinh viên/ tháng

1.15.3 **Thông tin liên hệ**

Trường Đại học Kinh Bắc

Địa chỉ: Phố Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Website: ukb.edu.vn

Điện thoại: 0222.3.872.892/ 0868.666.357

2. **Tuyển sinh vừa làm vừa học**

2.1 **Đối tượng tuyển sinh:**

- Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên
- Có đủ sức khỏe để học tập theo qui định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học Hiệu trưởng xem xét quyết định cho tham dự xét tuyển.

2.2 **Phạm vi tuyển sinh:** Cả nước

2.3 **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

2.4 **Chỉ tiêu tuyển sinh**

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2020
1	Quản trị kinh doanh	7340101	30
2	Kế toán	7340301	30
3	Công nghệ thông tin	7480201	30
4	Ngôn ngữ Anh	7220201	25

2.5 **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ**

- a) Xét kết quả học tập lớp 12 THPT: điểm TBC đạt từ 5.0 trở lên
- b) Tổng 03 môn thi và điểm ưu tiên theo quy định đạt từ 15 điểm trở lên

2.6 Tổ chức tuyển sinh

2.6.1 Thời gian tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh liên tục trong năm, dự kiến xét tuyển và công bố kết quả vào các đợt tháng 03/2021, 06/2021, 09/2021, 12/2021

2.7 Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

2.8 Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển: 100.000đ

2.9 Học phí dự kiến với sinh viên: 484.000đ/ 1 tín chỉ

Lộ trình tăng học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015

3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH

3.1 Đối tượng tuyển sinh:

Những người đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc tương đương

3.2 Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

3.3 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.4 Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Liên thông từ trung cấp lên đại học

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2020
1	Kế toán	7340301	30
2	Quản trị kinh doanh	7340101	30
3	Công nghệ thông tin	7480201	20

b) Liên thông từ cao đẳng lên đại học

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu năm 2020
1	Quản trị kinh doanh	7340101	30
2	Kế toán	7340301	30
3	Công nghệ thông tin	7480201	30
4	Luật kinh tế	7380107	30

3.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ

Xét kết quả học tập hệ TC hoặc CĐ: điểm TBC toàn khóa đạt từ 5.0 (thang điểm 10) hoặc đạt từ 2.0 (thang điểm 4) trở lên.

3.6 Thời gian tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh liên tục trong năm, dự kiến xét tuyển và công bố kết quả vào các đợt tháng 03/2021, 06/2021, 09/2021, 12/2021.

Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

3.7 Lệ phí xét tuyển: 100.000đ

3.8 Học phí dự kiến với sinh viên: 484.000đ/ 1 tín chỉ

Lộ trình tăng học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015

Ngày tháng năm 2021

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Trường